

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016, được sửa đổi bổ sung năm 2024;

Căn cứ Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Bản án số 08/2023/KDTM-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định thi hành án về xử lý tài sản số 01/QĐ-CCTHADS ngày 06/12/2024 và Quyết định thi hành án số 493/QĐ-CCTHADS ngày 03/4/2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 28/QĐ-CCTHADS ngày 05/03/2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil;

Căn cứ Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 13/QĐ-CCTHADS ngày 25/04/2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil;

Căn cứ Biên bản kê biên tài sản ngày 13 tháng 05 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil;

Căn cứ Hợp đồng dịch thẩm định giá số: 153/2025/HĐTĐG.THBM ngày 16/5/2025 được ký giữa Công ty cổ phần Thẩm định giá Trung Hải Ban Mê với đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 205/2025/THBM/ 199 ngày 27 tháng 05 năm 2025 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Trung Hải Ban Mê.

Do đương sự không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản nên Chấp hành viên Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông cần lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản đã kê biên sau:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

**1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:** Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

**2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:**



**2.1. Tài sản 1.** Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 00, diện tích 8462,9m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng: Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 749898, số vào sổ cấp GCN: CH03466 do UBND huyện Đăk Mil cấp ngày 28/7/2014 cấp cho ông Lê Văn Lý và bà Nguyễn Thị Nhân và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Tài sản tọa lạc tại thôn Xuân Thành, xã Đức Minh, Đăk Mil, Đăk Nông.

Có vị trí tứ cận như sau: Cạnh phía Đông giáp đường đất; Cạnh phía tây giáp thửa 25; Cạnh phía Nam giáp khe suối cạn; Cạnh phía Bắc giáp một phần thửa 25 và đường đất.

Hiện trạng sử dụng đất: Đất bỏ hoang không canh tác, không có cây trồng hay tài sản nào có giá trị kinh tế.

**\* Giá khởi điểm tài sản 1: 456.997.000 đồng (Bốn trăm năm mươi sáu triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng)**

**2.2. Tài sản 2 .** Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 28, diện tích 4570m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 804402, số vào sổ cấp GCN: CH02366 do UBND huyện Đăk Mil cấp ngày 04/7/2013 cấp cho ông Lê Văn Lý và bà Nguyễn Thị Nhân và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Tài sản tọa lạc tại Bon Jun Jú, xã Đức Minh, Đăk Mil, Đăk Nông.

Có vị trí tứ cận như sau: Cạnh phía Đông giáp thửa 91, 92; Cạnh phía tây giáp lối đi chung; Cạnh phía Nam giáp đường đất; Cạnh phía Bắc giáp một phần thửa 67. (chiều theo tờ BĐ cũ).

**2.3. Tài sản 3.** Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 28, diện tích 2752m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 804403, số vào sổ cấp GCN: CH02367 do UBND huyện Đăk Mil cấp ngày 04/7/2013 cấp cho ông Lê Văn Lý và bà Nguyễn Thị Nhân và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Tài sản tọa lạc tại Bon Jun Jú, xã Đức Minh, Đăk Mil, Đăk Nông.

Có vị trí tứ cận như sau: Cạnh phía Đông giáp đất ông Hương; Cạnh phía tây giáp lối đi chung; Cạnh phía Nam thửa 90; Cạnh phía Bắc giáp đất ông Đào. (chiều theo tờ BĐ cũ).

Hiện trạng sử dụng đất: phần lớn diện tích đất bỏ hoang không canh tác, cỏ mọc hoang hóa thành rừng. Do hai thửa đất liền kề nên không xác định được ranh giới giữa hai thửa. Có 280 cây tiêu kinh doanh leo trụ sống không chăm sóc không cho giá trị kinh tế.

**\* Giá khởi điểm tài sản 2+3: 1.610.840.000 (Một tỷ sáu trăm mười triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)**

**2.4. Tài sản 4.** Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 28, diện tích 4810m<sup>2</sup>. Mục đích sử

dụng: đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 804404, số vào sổ cấp GCN: CH02368 do UBND huyện Đăk Mil cấp ngày 04/7/2013 cấp cho ông Lê Văn Lý và bà Nguyễn Thị Nhân và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Tài sản tọa lạc tại Bon Jun Jú, xã Đứk Minh, Đăk Mil, Đăk Nông.

Có vị trí tứ cận như sau: Cạnh phía Đông giáp thửa 116; Cạnh phía tây giáp thửa 70; Cạnh phía Nam thửa 70; Cạnh phía Bắc giáp thửa 68. (chiếu theo tờ BĐ cũ).

\* Hiện trạng sử dụng đất: phần lớn diện tích đất bỏ hoang không canh tác, cỏ mọc hoang hóa thành rừng. Có 70 cây tiêu kinh doanh leo trụ sống không chăm sóc không cho giá trị kinh tế.

**\* Giá khởi điểm tài sản 4: 1.058.200.000 (Một tỷ không trăm năm mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng)**

**2.5. Tài sản 5.** Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 26, diện tích 6530m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 872139, số vào sổ cấp GCN: CH05002 do UBND huyện Đăk Mil cấp ngày 21/9/2016 cấp cho ông Lê Văn Lý và bà Nguyễn Thị Nhân và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Tài sản tọa lạc tại Bon Jun Juh, xã Đứk Minh, Đăk Mil, Đăk Nông.

Có vị trí tứ cận như sau: Cạnh phía Đông giáp đất ông Phong; Cạnh phía tây giáp đất ông Thanh; Cạnh phía Nam đất ông Trí; Cạnh phía Bắc giáp lối đi chung.

- Cây trồng trên đất: 350 cây cà phê kinh doanh đã cho thu hoạch.

**\* Giá khởi điểm tài sản 5: 1.514.188.000 đồng (Một tỷ năm trăm mười bốn triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng).**

**3. Tổng giá khởi điểm của tài sản 1 + (2 + 3) + 4 + 5:**

**4.640.225.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm bốn mươi triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).**

Chấp hành viên chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Mil thông báo để các tổ chức bán đấu giá biết, đăng ký.

**Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:**

**4. Nội dung tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:**

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Khoản 4, Điều 56 Luật đấu giá tài sản; Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp, về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

- Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

- Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

- Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

- Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

- Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

(Có phụ lục I bảng tiêu chí đính kèm)

**5. Các hồ sơ, tài liệu nộp hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:**

- Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá.

- Hồ sơ năng lực.

**6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:**

- Thời gian nhận hồ sơ 03 ngày làm việc (trong giờ hành chính: Từ ngày 06/5/2025 đến ngày 10/6/2025).

- **Địa điểm nộp hồ sơ:** Trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Số điện thoại: 02613.750.362.

Vậy, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil thông báo cho các tổ chức hành nghề đấu giá được biết để nộp hồ sơ đăng ký tham gia theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về ĐGTS;
- Lưu VT, HSTHA.



**CHẤP HÀNH VIÊN**

**Nguyễn Thị Thu Hằng**

**PHỤ LỤC I**  
**BẢNG TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**  
(Kèm theo thông báo số: 360/TB-CCTHADS ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
<b>I</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>	
1	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>19,0</b>
<b>1</b>	<b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>10,0</b>
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...) trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
<b>2</b>	<b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>5,0</b>
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
<b>3</b>	<b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b>	<b>2,0</b>
<b>4</b>	<b>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</b>	<b>1,0</b>
<b>5</b>	<b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>	<b>1,0</b>
<b>III</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>	<b>16,0</b>
<b>1</b>	<b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>	<b>4,0</b>
1.1	Hình thức đấu giá khả thi hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
<b>2</b>	<b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>	<b>4,0</b>

3	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (Bao gồm các cuộc đấu giá thành và các cuộc đấu giá không thành) chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề chỉ chọn chấm điểm một trong các chỉ tiêu	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3) / Y$	

4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% > trở lên thấp hơn liên tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: số điểm của c = $(Vx 3)/Y$	
5	<b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6	<b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7	<b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8	<b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	<b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào Ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0

V	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b> (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	3,0
2.	Đã từng ký kết Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	2,0
<b>Tổng số điểm</b>		<b>100</b>

**Ghi chú:**

1. Tiêu chí đánh giá chấm điểm tại Phụ lục này không bao gồm tài sản đấu giá là biển số xe theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức tự nguyện đấu giá.
2. Cuộc đấu giá thành quy định tại mục 1, mục 2, mục 3 và mục 4 phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá có ít nhất một tài sản đấu giá thành. Cuộc đấu giá không thành quy định tại mục 1 Phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá không có tài sản nào đấu giá thành và thuộc trường hợp quy định tại Điều 52 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 33 và điểm q khoản 45 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản.
3. Năm trước liền kề tại mục 4 phần II, mục 1, mục 2, mục 3, mục 4 và mục 9 phần IV Phụ lục này được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.
4. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/01 đến ngày 31/3 hàng năm thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước của năm liền kề. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/4 hàng năm trở đi thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước liền kề.
5. Hồ sơ tham gia lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục này.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên cổng đấu giá tài sản quốc gia trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông

tin này.

6. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản đấu giá không được yêu cầu tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.